

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 -2025
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Diệp
Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim T, sinh năm 1987
Địa chỉ: Ấp VS, xã HT, tỉnh AG
- Bị đơn: Ông Hồ Minh Đ, sinh năm 1946
Địa chỉ: KL Street, N Y O M

(Bà T, ông Đ có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 06/8/2025 bà Huỳnh Kim T trình bày:

Năm 2021, bà và ông Hồ Minh Đ quen biết qua mai mối, sau khi tìm hiểu phát sinh tình cảm và tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại Việt Nam, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện GR, tỉnh KG vào ngày 25/11/2022. Sau khi kết hôn bà và ông Đ chung sống với nhau được 4 tháng tại Việt Nam, ông Đ về Canada sống và làm thủ tục bảo lãnh bà qua sống cùng ông Đ, nhưng trong giai đoạn phỏng vấn làm thủ tục bảo lãnh thì bà và ông Đ phát sinh mâu thuẫn do vấn đề kinh tế, làm ăn, quan điểm sống không phù hợp nên ông Đ đã

không làm thủ tục bảo lãnh bà sang Canada sống cùng. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông Hồ Minh Đ, hôn nhân giữa bà và ông Đ không thể duy trì chung sống với nhau nên bà yêu cầu ly hôn với ông Hồ Minh Đ.

Về con chung, tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại văn bản đồng ý ly hôn ngày 23/6/2025 được xác nhận của Đại sứ quán nước Việt tại Canada chứng thực bị đơn ông Hồ minh Đ (Ho Minh Dang) trình bày:* Năm 2021 tôi quen biết với cô Huỳnh Kim T qua mai mối, quá trình tìm hiểu chúng tôi nảy sinh tình cảm và tiến đến hôn nhân. Năm 2022 tôi và cô Huỳnh Kim T làm đám cưới mời họ hàng thân thích theo truyền thống người Việt Nam.

Sau khi đám cưới, vợ chồng tôi có sống với nhau tại Việt Nam khoảng 4 tháng thì tôi trở về Canada. Sau đó tôi làm thủ tục bảo lãnh vợ qua Canada nhưng không làm được thủ tục xuất cảnh (phỏng vấn). Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do: chúng tôi có mâu thuẫn về cuộc sống và bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Tôi cũng không có khả năng giúp đỡ gì cho gia đình vợ về vật chất, nên không thể chung sống hạnh phúc. Hiện nay chúng tôi không còn liên lạc gì với nhau.

Nhận biết cô Huỳnh Kim T có đơn ly hôn tôi tại Tòa án, nay tôi làm đơn này với những yêu cầu sau:

Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với cô Huỳnh Kim T

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

Đồng thời ông Hồ Minh Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt và văn bản ủy quyền nhận văn bản tố tụng thay ông Đ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Huỳnh Kim T được ly hôn với ông Hồ Minh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Kim T và ông Hồ Minh Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228, Điều 238, Điều 477; Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bà Huỳnh Kim T và ông Hồ Minh Đ.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Kim T và ông Hồ Minh Đ là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp; Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện GR, tỉnh KG vào ngày 25/01/2022.

Về nguyên nhân ly hôn do ông Đ và bà T không có nhiều thời gian chung sống, tính cách vợ chồng không hòa hợp, và ông Đ không thực hiện thủ tục bảo lãnh bà T sang Canada sống chung, ông bà không có tình cảm vợ chồng và hiện tại không còn quan tâm liên lạc với nhau. Đối với ông Hồ Minh Đ đã có văn bản đồng ý ly hôn với bà T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Kim T được ly hôn với ông Hồ Minh Đ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Kim T và ông Hồ Minh Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Huỳnh Kim T phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001084 ngày 25/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 153, Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 478, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Huỳnh Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Kim T được ly hôn với ông Hồ Minh Đ.
2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Kim T, ông Hồ Minh Đ xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Huỳnh Kim T phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001084 ngày 25/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Kim T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án niêm yết.

Riêng ông Hồ Minh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG
- VKSND KV 5-AG;
- THADS tỉnh AG;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

